TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI
TỈNH H□NG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2023/HNGĐ -ST
Ngày 21/9/2023
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đồng Dực
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Thắng
Bà Nguyễn Thị Kim Huyền

-***Thư ký phiên toà***: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
- ***Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên tòa***: Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2023/TLST - HNGĐ ngày 25/7/2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXX- HNGĐ ngày 29/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị V, sinh năm 1974(có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
Trú tại: HT, TT, TM, Hải Dương
Bị đơn: Anh Lê Đình H, sinh năm 1967 (vắng mặt)
Trú tại: HX, VN, AT, Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2023 và lời khai của chị V trình bầy: chị và ông H đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã văn Nhuệ vào năm 1992. Sau khi cưới chị về ngay gia đình chồng chung sống, thời gian đầu vợ chồng cùng chung sống với bố mẹ chồng tại Hoàng Xuyên, Văn Nhuệ. Sau một thời gian vợ chồng ra ở riêng. Quá trình chung sống, được một thời gian an H chơi bời, đánh chị nhưng vì nghĩ thương các con, cũng nghĩ anh H thay đổi. Do kinh tế khó khan nên bà đã đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan vào năm 2004, bà vẫn liên lạc với ông H, vẫn gửi tiền về cho ông H làm nhà, nuôi con ăn học, anh H không thay đổi vẫn chơi bời nhưng nghĩ các con chị đi làm xa mà vợ chồng lại ly hôn thì con cái hư hỏng nên cố gắng chịu đựng để tiếp tục chung sống, tháng 10/2022 chị về nước nhưng do mẹ yếu chị về bên mẹ đẻ để chăm sóc, anh H biết chị về nhưng không sang hỏi thăm, năm 2023 chị có về lo cho con lấy vợ, anh H có xin lỗi chị đồng ý tha thứ để vợ chồng tiếp tục chung sống, nhưng chỉ được 02 tuần thì anh H không thay đổi,

vợ chồng cãi nhau, anh H có đuổi chị đi nên chị đã về bên ngoại ở, từ đó anh H không liên lạc với chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị giải quyết được ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Lê Đình Đức, sinh năm 1993 và Lê Thị Huế, sinh năm 1998. Các con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của anh H trình bày: Anh và chị V có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 03 tháng thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Văn Nhuệ vào năm 1992. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc mặc dù cũng có lúc mâu thuẫn nhưng vẫn tiếp tục chung sống với nhau. Năm 2004, chị V đi xuất khẩu lao động, vợ chồng xa nhau chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại được vài câu nên không có mâu thuẫn gì, trong thời gian chị V đi xuất khẩu lao động nhưng vẫn về nước 4 lần. Năm 2022 chị V về nước hẳn, về bên ngoại ở mà không về nhà còn lý do tại sao anh không rõ, khi mẹ vợ ốm anh có sang thăm cụ nhưng chị V không chào hỏi, không nói gì với anh. Đến năm 2023, tổ chức cưới cho con, anh có nói với chị V về việc có gì hiểu lầm nhau thì bỏ qua cho nhau thì chị V cũng về ở, được khoảng 02 tuần vợ chồng có to tiếng và anh có nói cứ thế này thì về, chị V về ngày. Đến nay, chị V xin ly hôn anh mong muốn chị V về ở nhưng chị V vẫn kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Đình Đức, sinh năm 1993 và Lê Thị Huế, sinh năm 1998. Các con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Tại lời khai bà Lê Thị Cúc (chị gái của anh H) trình bày: Anh chị đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, anh chị có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Văn Nhuệ vào năm 1992. Sauk hi thành vợ chồng chị V về ngay gia đình chồng chung sống, được 1 thời gian thì vợ chồng ra ở riêng, khoảng 10 năm trước chị V đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, đến tháng 10/2022 chị V về nước hẳn nhưng không về nhà mà về bên quê bố mẹ đẻ ở, cưới con trai chị V về mấy hôm xong lại về bên quê sống. Quá trình chung sống bà thấy anh chị mỗi người 1 nơi thì theo bà không có mâu thuẫn. Nay chị V xin ly hôn việc anh chị có tiếp tục chung sống được với nhau hay không là quyền của anh chị.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Đình Đức, sinh năm 1993 và Lê Thị Huế, sinh năm 1998. Các con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Văn Nhuệ: Anh H, chị V là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Văn Nhuệ vào năm 1992. Quá trình chung sống anh H, chị V chung sống với nhau tại HX, VN, AT và có mâu thuẫn hay không UBND xã

không nắm được. Cuối năm 2022, chị V không ở với anh H nên đã chuyển khẩu về HT, TT, TM, Hải Dương

Về con chung: Anh H, chị V có 02 con chung là Lê Đình Đức, sinh năm 1993 và Lê Thị Huế, sinh năm 1998.

Về tài sản chung: UBND xã không nắm được

Tại phiên tòa:

- Ngày 14/9/2023: Chị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn anh H được triệu tập nhưng vắng mặt lần thứ nhất, căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS, HĐXX hoãn phiên tòa.

- Ngày 21/9/2023: Chị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn anh H được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

**** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa:***

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn

+ Về đường lối giải quyết: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 238 BLTTDS; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V: xử cho chị V được ly hôn anh H.

+ Về con chung: Có 02 con chung là Lê Đình Đức, sinh năm 1993 và Lê Thị Huế, sinh năm 1998. Các con chung đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không đề nghị giải quyết.

+ Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị V phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh H, chị V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Văn Nhuệ vào năm 1992. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh H, chị V là hợp pháp. Nay chị V có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải

quyết theo thủ tục chung. Anh H đang cư trú tại HX, VN, AT nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị V xác định sau một thời gian ngắn chung sống vợ chồng đã có mâu thuẫn nguyên nhân là do anh H chơi bời, vì thương các con và nghĩ anh H có thể thay đổi nên vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau. Năm 2004, vợ chồng thống nhất để chị V đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, anh H ở nhà trông con, chị V vẫn gửi tiền về lo cho các con, trong thời gian này anh V vẫn chơi bời, nhưng đi làm xa nếu bố mẹ ly hôn con cái hư hỏng, tuy nhiên anh H không thay đổi vẫn chơi bời, vì thế vợ chồng sống xa nhau tình cảm ngày một lạnh nhạt, tháng 10/2022 chị V về nước hẳn và đã về nhà mẹ đẻ ở vì thời gian này mẹ bị bệnh cần chăm sóc, nhưng anh H không quan tâm, sau khi mẹ đẻ mất, đến đầu năm 2023 con trai kết hôn, chị có về để lo việc cho con, vợ chồng nói chuyện và đã cho nhau cơ hội nên tiếp tục chung sống với nhau, do anh H chơi bời, chị khuyên không được vợ chồng cãi nhau, anh H đuổi chị V đi, chị V nhà mẹ đẻ ở. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án anh H có trình bày mong muốn chị V về ở nhưng Tòa án tiến hành triệu tập hòa giải vợ chồng về đoàn tụ nhưng nhưng anh H đều vắng mặt, tuy nhiên khi lấy lời khai anh H xác định chị V kiên quyết ly hôn anh H đồng ý ly hôn. Xét hôn nhân của anh H, chị V nhận thấy anh H, chị V có thời gian dài xa cách nhau, có những mâu thuẫn không thể giải quyết ngay được vì vậy, khi chị V về nước anh H không đến, không biết, đến nay anh H không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, gia đình đã tích cực hòa giải nhưng không có kết quả, bởi vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân giữa anh H, chị V không còn thương yêu, quý trọng nhau nữa vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V là phù hợp với pháp luật và thực tế vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị V, anh H có 02 con chung là Lê Đình Đức, sinh năm 1993 và Lê Thị Huế, sinh năm 1998. Các con chung đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không đề nghị giải quyết

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh H, chị V không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đặt ra giải quyết

[5]Về án phí: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị V được ly hôn anh Lê Đình H

2- Về con chung: Chị V, anh H có 02 con chung là Lê Đình Đức, sinh năm 1993 và Lê Thị Huế, sinh năm 1998. Các con chung đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không đề nghị giải quyết

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị V, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết

4 - Về án phí : Chị V phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0003189 ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị V đã nộp đủ.

5- Quyền kháng cáo: Chị V, anh H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-Phòng GĐKT;
-VKSND + THADS huyện;
-Đương sự;
-UBND xã Văn Nhuệ, Ân Thi, Hưng Yên;
-Lưu HS

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đồng Dực